

Bản án số: **261/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 16/5/2022

V/v: *Tranh chấp Ly hôn*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* **Ông Phạm Hoàng Nam**

*Các Hội thẩm nhân dân:* **1. Bà Nguyễn Thị Xuân Phương**

**2. Ông Trần Vũ Vương**

**- Thư ký phiên tòa:** **Bà Hoàng Thị Phi Nga** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa:**  
**Bà Hoàng Thị Hoài Phương** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 103/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 về việc: Tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXX-ST ngày 08 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/4/2022, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** **Chị Lê Thị Th**, sinh năm 1985; Nghề nghiệp: Tự do; HKTT+ cư trú: số 44 tổ 12 phường Th L, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

**Bi đơn:** **Anh Nguyễn Văn T**, sinh năm 1978; Nghề nghiệp: Tự do; HKTT: Đội 6, thôn Tr H, xã D H, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội; Cư trú: số 44 tổ 12 phường Th L, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại Đơn xin ly hôn đề ngày 14/2/2022 và lời khai trong toàn bộ quá trình giải quyết, nguyên đơn – chị Lê Thị Th trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn T lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 22/12/2007 tại UBND xã D H, huyện Th O, Hà Nội trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, trước đó cả hai đều chưa ai có vợ, có chồng. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc. Tuy Nên đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh từ việc bất đồng trong quan điểm làm ăn kinh tế. Vợ chồng chị kinh doanh tự do, mua nhà

cũ sửa chữa rồi bán kiếm chút lãi nhưng khi bán xong nhà lấy tiền đặt cọc mua nhà khác, đến khi ký hợp đồng thì anh T lại phá hợp đồng dẫn đến bị phạt cọc mất tiền. Sự việc xảy ra Nều lần như vậy khiến chị mất mấy trăm triệu đồng nên kinh tế gia đình cũng bị ảnh hưởng, vợ chồng lại cãi nhau, to tiếng. Khi đó anh T lại bỏ nhà đi chơi ở thành phố Hồ Chí Minh vài tuần rồi lại về. Chị ở nhà chăm sóc đưa đón con đi học rất vất vả không nhận được sự chia sẻ của chồng. Mặt khác, năm 2021 khi bán nhà ở Lò Đúc đã cầm hết tiền đi vào thành phố Hồ Chí Minh chơi vài tháng không về nhà. Chị có điện thoại trao đổi, tìm cách khắc phục, thống nhất để cùng kinh doanh nhưng không được. Hơn 1 năm nay mình chị chăm sóc, nuôi dạy các con và lo kiếm ăn kinh tế cho gia đình còn anh T không giúp đỡ, đi chơi không quan tâm đến vợ con, tình cảm vợ chồng càng căng thẳng. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị Th và anh T 03 con chung là: Nguyễn Th N, sinh ngày 27/4/2006; Nguyễn Tường V, sinh ngày 4/8/2009; Nguyễn Quang H, sinh ngày 10/6/2015. Khi ly hôn, chị Th có nguyện vọng nuôi cả 3 con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 3 con là 10.000.000 đồng/tháng kể từ sau khi ly hôn. Chị Th kinh doanh tự do nên có thu nhập khoảng 20.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nhà ở chung: Chị và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị xác nhận vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay nợ, chị không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Tại bản tự khai đề ngày 09/3/2022 và lời khai trong toàn bộ quá trình giải quyết, bị đơn – anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh và chị Lê Thị Th có tìm hiểu tự nguyện kết hôn, được sự đồng ý của hai gia đình có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường UBND xã D H, huyện Th O, HN ngày 22/12/2007. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, cả hai thống nhất làm ăn kinh tế xây dựng gia đình. Tuy Nhiên, từ đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách khác nhau, thường xuyên xảy ra cãi nhau trong quan điểm kinh doanh gây thâm hụt kinh tế gia đình. Do công việc kinh doanh tự do, buôn bán bất động sản nên anh thường xuyên phải đi xa nhà, ít quan tâm đến gia đình. Có 2 lần khi chị Th đặt cọc mua nhà nhưng do anh không đồng ý ký hợp đồng chuyển nhượng dẫn đến việc bị phạt cọc mất Nều tiền nên vợ chồng lại càng căng thẳng. Chị Th có khuyên bảo anh Nều lần nhưng do hai bên tính tình nóng giận, cãi nhau, hai vợ chồng không có tiếng nói

chung, cứ nhắc đến kinh doanh, kinh tế là cãi nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra hai bên gia đình, bạn bè có hòa giải nhưng không thành. Khi Tòa án thông báo về việc chị Th xin ly hôn thì anh cũng đã cố gắng thay đổi, ở nhà chăm lo quan tâm đến con nhưng chị Th vẫn cương quyết ly hôn. Hiện nay vợ chồng chung sống cùng nhà nhưng ít nói chuyện, sinh hoạt bình thường nhưng chị Th không quan tâm đến việc anh làm và vẫn nhất định ly hôn để ổn định cuộc sống còn làm ăn kinh tế nuôi dạy 3 con. Do các con còn nhỏ, và tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ và không muốn ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là: Nguyễn Th N, sinh ngày 27/4/2006; Nguyễn Tường V, sinh ngày 4/8/2009; Nguyễn Quang H, sinh ngày 10/6/2015. Trường hợp phải ly hôn thì anh đồng ý để chị Th là người trực tiếp nuôi 3 con chung theo nguyện vọng của các con và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi 3 con là 10.000.000 đồng/tháng kể từ sau khi ly hôn. Anh kinh doanh tự do thu nhập khoảng 20.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nhà ở chung: Chị và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị xác nhận vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay nợ, chị không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị Th vẫn giữ nguyện vọng xin ly hôn. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau, kinh tế độc lập. Chị xin ly hôn anh T để được ổn định cuộc sống, làm ăn và nuôi dạy các con. Về con chung, tài sản chung, nhà ở chung, chị vẫn giữ nguyện vọng như đã trình bày. Ngoài ra chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát đúng quy định, đảm bảo thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Anh T xin hoãn phiên tòa lần 1 với lý do mẹ đẻ bị bệnh và có thời gian để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Phiên tòa được mở lại lần thứ 2 nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th. Về con chung, giao con chung là 03 con chung cho chị Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng nuôi 3 con chung số tiền 10.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung, nhà ở chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công nợ, Anh chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về án phí, chị Thỏa phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **[1] Về tố tụng:**

Tại Đơn xin ly hôn và các tài liệu trong hồ sơ thể hiện Bị đơn là anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Th hiện cùng cư trú tại số 44 tổ 12 phường Th L, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, vì vậy Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân gia đình trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh T. Đến ngày 26/4/2022, anh T có đơn xin hoãn phiên tòa vì lý do mẹ đẻ anh bị bệnh và mong muốn vợ chồng có thời gian hòa giải đoàn tụ. Tuy Nên, tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Văn T vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

### **[2] Về nội dung vụ án:**

2.1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Văn T lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 22/12/2007 tại UBND phường UBND xã Dân Hoà, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình Tòa án giải quyết, chị Th tha thiết xin ly hôn vì cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn, căng thẳng nặng nề đã lâu, bất đồng về kinh tế nên 2 bên thường xuyên cãi nhau, Anh T không chia sẻ cuộc sống gia đình chăm sóc nuôi dạy con chung. Quá trình chung sống mâu thuẫn vợ chồng đã nghiêm trọng nên sống cùng một nhà nhưng chị Th không còn quan tâm tình cảm với anh T. Chị xác định không còn tình cảm, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên cương quyết ly hôn.

Xét thấy: Qua các tài liệu có trong hồ sơ, sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống tại số 44 tổ 12 phường Th L, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy Nên đến khoảng năm 2015 phát sinh mâu thuẫn. Chị Th và anh T chung sống cùng 1 nhà nhưng không còn tình cảm, kinh tế độc lập, mâu thuẫn không hàn gắn được.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để hòa giải nhưng vắng mặt. Anh T có trình bày lý do vắng mặt: Do các con còn nhỏ, và tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Tòa án mời anh đến hòa giải với chị Th nhưng do lo lắng chị Th cương quyết ly hôn nên anh vắng mặt. Chị Th cương quyết ly hôn nhưng anh chưa đồng ý.

Ngoài ra, trước khi Tòa án thụ lý vụ án, chính quyền, tổ hòa giải tại địa phương cũng đã tổ chức Nều buổi hòa giải để anh chị đoàn tụ, tuy Nều các buổi hòa giải đều không đạt kết quả.

Xét thấy, chị Th, anh T đều trình bày anh chị phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015 do bất đồng quan điểm sống, tính tình có Nều khác biệt và Nều căng thẳng do làm ăn thất thoát kinh tế, anh chị đã không còn duy trì cuộc sống chung vợ chồng được một thời gian, hai vợ chồng không còn sự gắn kết, sẻ chia, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không thực hiện các nghĩa vụ tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Th xin ly hôn anh T là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th đối với anh T.

2.2. Về con chung: Chị Th và anh T có 03 con chung là:

- + Nguyễn Th N, sinh ngày 27/4/2006
- + Nguyễn Tường V, sinh ngày 4/8/2009
- + Nguyễn Quang H, sinh ngày 10/6/2015.

Khi ly hôn thì chị Th có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi 3 con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 3 con là 10.000.000 đồng/tháng kể từ sau khi ly hôn..

Xét việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi dưỡng khi ly hôn cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Quá trình chung sống, chị Th là người trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung. Các cháu hiện nay khỏe mạnh, sinh hoạt, học tập và phát triển bình thường. Chị kinh doanh tự do có thu nhập khoảng 20.000.000 đồng/tháng, có nơi cư trú ổn định. Vì vậy, nguyện vọng của chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn là chính đáng, có cơ sở chấp nhận. Ngoài ra, tại Bản tự khai tại Tòa án 03 cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Hơn nữa, lời khai của anh T tại Tòa án cũng thể hiện trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì anh đồng ý để chị Th nuôi cả 03 con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử giao con chung là Nguyễn Th N, sinh ngày 27/4/2006; Nguyễn Tường V, sinh ngày 4/8/2009; Nguyễn Quang H, sinh ngày 10/6/201 cho chị Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về yêu cầu cấp dưỡng: Chị Th yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 3 con là 10.000.000 đồng/tháng kể từ sau khi ly hôn. Anh T cũng trình bày, trường hợp chị Th

cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý để chị Th nuôi 3 con chung và cấp dưỡng 10.000.000 đồng/tháng kể từ sau khi ly hôn. Như vậy, chấp nhận yêu cầu của Chị Th và ý kiến của anh T cấp dưỡng nuôi con chung là 10.000.000 đồng/ tháng/3 con là hoàn toàn phù hợp để đảm bảo nhu cầu thiết yếu của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Th, ý kiến của anh T.

2.3. Về tài sản chung và nhà ở chung: Chị Th, anh T trình bày thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2.4. Về công nợ: Chị Th, anh T trình bày thống nhất vợ chồng không nợ chung ai và không cho ai vay nợ, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2.5. Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Chị Th, anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70; Điều 72; khoản 4 Điều 147; điểm d khoản 3 Điều 203; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 110; Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

### **Xử:**

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lê Thị Th đối với anh Nguyễn Văn T. Chị Th được ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Văn T có 03 con chung tên là:

- + Nguyễn Th N, sinh ngày 27/4/2006
- + Nguyễn Tường V, sinh ngày 04/8/2009
- + Nguyễn Quang H, sinh ngày 10/6/2015.

Giao cả 3 con chung cho chị Lê Thị Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ thời điểm xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Văn T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi 03 con chung với số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng/tháng kể từ thời điểm xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

**3. Về tài sản chung, nhà ở chung:** Chị Th và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

**4. Về công nợ:** Chị Th và anh T xác nhận hai bên không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**5. Về án phí:** Chị Lê Thị Th phải chịu số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2019/00012237 ngày 14/2/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Lê Thị Th, vắng mặt anh Nguyễn Văn T. Chị Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND Q.Hai Bà Trưng;
- TAND TP.Hà Nội;
- VKSND TP.Hà Nội;
- Chi cục THADS Q.Hai Bà Trưng;
- UBND xã D H, h.Th O, tp Hà Nội  
(Giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 01/2007  
ngày 22/02/2007)
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Hoàng Nam**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**